

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG PA  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 03/2018/HNGĐ-ST  
Ngày 02/3/2018  
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PA , TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ksor Pep

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trịnh Thanh Khiết;
2. Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm;

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Quân Thu Hằng - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai;

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Thị Hương Dịu - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 56/2017/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2017 về việc "Ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1987

Địa chỉ: thôn Hưng Phú, xã Ia Rsum, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai(Có mặt).

*Bị đơn:* Anh Lưu Văn S, sinh năm 1987

Địa chỉ: thôn Hưng Phú, xã Ia Rsum, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai (Vắng mặt lần thứ hai).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim D trình bày:

*-Về quan hệ hôn nhân:* Chị D và anh Lưu Văn S tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 25/3/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Ia Rsum, huyện Krông Pa. Thời gian đầu khi mới cưới nhau thì cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng vì chung sống với nhau qua thời gian dài không có con chung nên vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng ngày một lạnh nhạt, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị D xét thấy chị và anh S không còn tình cảm yêu thương vợ chồng như trước nếu có tiếp tục chung sống cũng không mang lại hạnh phúc cho nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị D làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lưu Văn S trước pháp luật.

*-Về con:* Chị D và anh Lưu Văn S không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*-Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản:* Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Lưu Văn S mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhiều lần và quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, tuy nhiên tại bản tự khai ngày 30/11/2017, bị đơn anh Lưu Văn S tự khai:

*-Về quan hệ hôn nhân:* về thời gian kết hôn của anh chị như chị Nguyễn Thị Kim D trình bày là đúng sự thật. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu rất hạnh phúc nhưng sống chung trong thời gian dài vợ chồng không có con chung nên tình cảm vợ chồng ngày một lạnh nhạt với nhau, mâu thuẫn phát sinh, vợ chồng không có chung quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã, có tiếp tục sống chung cũng không thể mang lại hạnh phúc cho nhau. Hiện nay giữa anh và chị D đã sống ly thân. Chị D yêu cầu ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý.

*-Về con:* anh và chị Nguyễn Thị Kim D không có con chung.

*-Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản:* anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu ý kiến sau phần tranh luận, Kiểm sát viên cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án; đương sự cũng có thái độ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật tố tụng.

Nội dung vụ án thì Kiểm sát viên có quan điểm: Áp dụng Điều 28, Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và các Điều 9, 51, 56 và Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm, xử:

*-Về hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Kim D được ly hôn với anh Lưu Văn S trước pháp luật.

*-Về con chung:* Chị Nguyễn Thị Kim D và anh Lưu Văn S không có con chung nên không đề cập đến.

*-Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản:* Chị D không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

*-Về án phí ly hôn:* Căn cứ khoản 4, Điều 147 BLTTDS năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết : 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị Kim D phải chịu 300 000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về tố tụng:** Đây là vụ án về việc ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Lưu Văn S như thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập...theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh S không đến Tòa án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng; ở giai đoạn xét xử vụ án Tòa án đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh Sang vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào kết quả của việc hỏi nguyên đơn tại phiên tòa và xem xét các tài liệu chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án để quyết định, bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

**[2] Về hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị Kim D và anh Lưu Văn S tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Ia Rsum, huyện Krông Pa vào ngày 25/3/2010 nên là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Trong quá trình chung sống chị D và anh S có phát sinh nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng rạn nứt nghiêm trọng nên chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh S. Anh S mặc dù đã được Tòa án nhiều lần triệu tập đến Tòa án để tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh S vắng mặt không lý do, điều này thể hiện thái độ bỏ mặc, không quan tâm đến việc tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng với chị D. Hiện nay chị D và anh S đã sống ly thân. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh S là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim D với anh Lưu Văn S là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

**[3] Về con chung:** Chị Dung và anh Sang không có con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

**[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản:** Chị D và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

**[5] Về án phí:** Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị Kim D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các Điều 4, 5, 6; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

-Căn cứ khoản 1 Điều 9, các Điều 51, 53, 54, 56 và Điều 57 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

**1. Về hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị Kim D được ly hôn với anh Lưu Văn S trước pháp luật.

*Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**2. Về án phí:** Chị Nguyễn Thị Kim D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền đã tạm nộp trước đây là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005938 ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai. Chị D đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Kim D có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 02/3/2018), còn anh Lưu Văn S có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú cuối cùng để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Gia Lai (01 bản);
- VKSND huyện Krông Pa (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Krông Pa (01 bản);
- UBND xã Ia Rsum (01 bản);
- Các đương sự (02 bản);
- Lưu hồ sơ/VP (01 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Ksor Pep**